

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 352/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Thái P**, sinh năm 1992. CCCD số: 045092007043 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 27/06/2021, địa chỉ: Số B N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà **Đỗ Thị Trà G**, sinh năm 1997. CCCD số: 049197015746 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 01/09/2021; địa chỉ: Số A P, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G kết hôn vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận số: 53/2021 ngày 09/07/2021, hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải Ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G xác định: Trong quá trình chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Về tình cảm ông Nguyễn Thái P xác định không còn tình cảm với bà Đỗ Thị Trà G nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông P và bà G lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì Ông P và bà G đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông P và bà G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông P và bà G là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G xác định có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/09/2021. Thuận tình ly hôn, ông P và bà G thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Ngọc H cho bà Đỗ Thị Trà G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thái P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G xác định không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G xác định không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: Ông P và bà G tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006843 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G. *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G nên Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2021 ngày 09/07/2021 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng), không còn giá trị pháp lý.*

- **Về con chung:** Ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G xác định có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/09/2021. Thuận tình ly hôn, ông Nguyễn Thái P và bà Đỗ Thị Trà G thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Ngọc H cho bà Đỗ Thị Trà G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thái P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: Ông P và bà G tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006843 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND xã Tam Xuân, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.



THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trâm